



Independence High School

2020-21 Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường

Thông tin chung về Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (SARC)

Tổng quan

Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, tất cả trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ cho việc Kiểm soát tại Địa phương (LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (LCAP) mô tả phương thức để các trường đạt được các mục tiêu dự định hàng năm cụ thể cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và xem các báo cáo của năm trước, vui lòng truy cập trang web của Sở Giáo dục California (California Department of Education – CDE) tại www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/

Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, xem trang Web về LCFF của CDE tại www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/

Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

DataQuest



DataQuest là một công cụ trực tuyến trên DataQuest của CDE tại dq.cde.ca.gov/dataquest/ có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận.trang Web Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California



Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California (Bảng Thông Tin) www.caschooldashboard.org/ chi tiết về trách nhiệm và chủ trương không ngừng cải thiện chất lượng đồng thời cung cấp các thông tin về cách thức mà các LEA và các trường đáp ứng được nhu cầu của tất cả học viên. Bảng Thông Tin có cả các báo cáo về hiệu quả hoạt động của các LEA, các trường và các nhóm học viên dựa trên các tham số cấp địa phương và cấp tiểu bang nhằm hỗ trợ nhận biết các điểm mạnh, thách thức và điểm yếu cần khắc phục.

Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng máy trạm (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên máy trạm, và khả năng in tài liệu.

Thông tin liên hệ của nhà trường năm học 2021 – 2022

Tên Trường	Independence High School
Đường	617 North Jackson Avenue
Thành phố, Tiểu bang, Mã số Zip	San Jose, CA, 95133-1703
Số điện thoại	408-928-9500
Hiệu trưởng	Bjorn Berg
Địa chỉ Email	BergBj@esuhsd.org
Website Trường	independence.esuhsd.org
Mã Học khu của Quận (CDS)	43694274330031

Thông tin liên hệ của học khu năm học 2021 – 2022

Tên Học khu	East Side Union High School District
Số điện thoại	(408) 347-5000
Giám đốc	Glenn Vander Zee
Địa chỉ Email	VanderzeeG@esuhsd.org
Website Học khu	www.esuhsd.org

Tổng quan trường học năm học 2021 – 2022

Our school slogan is - Where students find their passion, purpose, and path.

Our vision is the following - Independence High School is an intercultural community that provides students with rich opportunities for personal and academic growth while embracing diversity, belonging and open access for all.

OUR GUIDING PRINCIPLES are the following -

Equity. We address inequities and direct resources to meet every student's needs.

Community. We cultivate a relationship-centered community where every student and adult feels a sense of connection and belonging.

Mastery. We empower students toward mastery through a solid foundation of skills and knowledge for ongoing growth and a successful future.

Independence High School boasts just over 2,700 students on 105 acres. Our school is home to several California Partnership Academies in addition to our elective options for all students. Our academies focus on STEAM, Teaching, and Finance, as well as having dance, band, orchestra, drama, construction, auto/transportation, and AVID programs. We have added many new Advanced Placement courses and are incorporating our Student Learning Outcomes (SIXER) into the teaching and learning on campus so that all students will be college and career-ready upon graduation. Through a grant from Goodwill we are able to provide an extensive after-school program that includes a variety of types of academic tutoring, physical fitness, and artistic engagement; and is accompanied by a full, hot meal for students. We continue to host very diverse and successful athletic teams and many school clubs, including those devoted to honoring the cultures of those who live in our area. Independence High School is a cultural center and a gem on the east side of San Jose.

Giới thiệu về Trường

2021-22 Học sinh Ghi danh theo Cấp lớp

Cấp lớp	Số Học sinh
Lớp 9	709
Lớp 10	707
Lớp 11	672
Lớp 12	732
Tổng Ghi danh	2,820

2020-21 Học sinh Ghi danh theo Nhóm Học sinh

Nhóm Học sinh	Phần trăm trong Tổng Ghi danh
Nữ	47.7
Nam	52.3
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người	0.2
Người gốc Châu Á	38.3
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc	2
Người Phi Luật Tân	16.5
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La	34.9
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo	1.3
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung	2.5
Người Da trắng	3.2
Sinh viên nói tiếng anh	18.2
Những đứa con nuôi	0.2
Vô gia cư	0.4
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội	50.8
Học sinh khuyết tật	8.9

A. Điều kiện Học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.

Giám sát: For more information refer to the Updated Teacher Equity Definitions web page at <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2019 – 2020

Ủy quyền/bổ nhiệm	2019-20
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ	
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	
Không xác định	
Tổng số vị trí giảng dạy	

Giám sát: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một đơn vị Tương Đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (được coi là “không hiệu quả” theo ESSA) năm học 2019 – 2020

Ủy quyền/bổ nhiệm	2019-20
Giấy phép và Chứng nhận miễn trừ	
Bổ nhiệm sai	
Các vị trí còn trống	
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai	

Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (được coi là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA) năm học 2019 – 2020

Chi báo	2019-20
Giáo viên có chứng chỉ được ủy quyền trên Giấy phép hoặc Chứng nhận miễn trừ	
Tùy chọn phân công nội bộ	
Tổng số giáo viên ngoài chuyên môn	

Phân công lớp học năm học 2019 – 2020

Chỉ báo	2019-20
Bỏ nhiệm sai cho Học sinh học Anh ngữ (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp có học sinh Anh ngữ do giáo viên không đúng chuyên môn giảng dạy)	
Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền để giảng dạy (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp do giáo viên không có hồ sơ về giấy phép giảng dạy đứng lớp)	

2021-22 Chất Lượng, Tình Trạng Cập Nhật, Tình Trạng Sẵn Có Của Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy

Independence High School utilizes textbooks and instructional materials approved and adopted through our IPC. These materials most directly support standards-based teaching aligned with common core teaching.

Tháng, năm thu thập dữ liệu

October 2021

Môn học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/Năm Phê chuẩn	Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất?	Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng
Đọc/Ngôn ngữ	English 1 – “The Language of Literature ” Grade 9 McDougal Littell 2002 English 2 – “The Language of Literature” Grade 10 McDougal Littell 2002 English 3 – MyPerspectives: American Literature//Pearson ERWC (English 4)-- Expository Reading and Writing Course Student Reader 2013 AP Composition and Language-- The Norton Reader AP Composition and Literature--The Intro to Literature	Yes	0%
Toán	CCSS Math 1 – "Big Ideas Integrated Mathematics I," Big Ideas Learning, LLC 2016 CCSS Math 2 – "Big Ideas Integrated Mathematics II," Big Ideas Learning, LLC 2016 CCSS Math 3 – "Big Ideas Integrated Mathematics III," Big Ideas Learning, LLC 2016 Math Analysis – “Precalculus With Limits A Graphing Approach” Brooks/Cole Cengage Learning 2012 AP Calculus AB - Calculus w/Analytic Geometry, 9th ed: Houghton Mifflin Harcourt; 2010 AP Calculus BC - Calculus w/Analytic Geometry, 9th ed: Houghton Mifflin Harcourt; 2010 AP Statistics - The Practice of Statistics, 4th ed: Freeman; 2010 Exploring Computer Science - ECS: Exploring Computer Science; Joanna Goode, Gail Chapman 2016 AP Computer Science A - Online materials Mathematical Reasoning with Connections - MRWC materials provided by CSU	Yes	0%
Khoa học	NGSS Biology - The Living Earth -- CK-12 eTextbook NGSS Chemistry in Earth's System – CK-12 eTextbook NGSS Physics of the Universe - CK-12 eTextbook Forensic Science - A Hands-on Introduction to Forensic Science 2014	Yes	0%

	<p>AP Biology- Campbell AP Biology In Focus 1st edition- Prentice Hall 2004</p> <p>AP Chemistry- Chemistry The Central Science- Brown & Lemay</p> <p>AP Physics 1 and 2- Physics AP- Cutnell and Johnson, Wiley 2012</p> <p>AP Environmental Science- Living In The Environment- Miller/Spoonman - Cengage 2015</p> <p>AP Physics C- Physics with MOD Physic for Scientists and Engineers- Knight / Pearson 2013</p> <p>Physiology- Holes Essentials of Anatomy and Physiology, McGraw Hill, 2002</p> <p>Marine Biology - Marine Science - AMSCO 2004</p> <p>Living Earth Essentials - CK-12 eTextbook</p> <p>Physical Science Essentials -CK-12 eTextbook</p>		
Lịch sử-Khoa học Xã hội	<p>World History – “Modern World History” McDougal-Littell 2003</p> <p>US History – “The American Vision” Glencoe/McGraw Hill 2006</p> <p>American Government – “Government Alive! Power, Politics and You” TCI 2014</p> <p>Economics – “Econ Alive! The Power to Choose” TCI 2015</p> <p>AP World History - "The Earth and Its Peoples AP Edition" Cengage Learning 2018</p> <p>AP US History - "America's History for the AP Course" Bedford 2014</p> <p>AP Government - "Government in America" Pearson Learning 2014</p> <p>AP Macro/Micro Economics - "Economics (AP)" McGraw Hill 2014</p> <p>AP Human Geography - "The Cultural Landscape: An Introduction" Prentice Hall 2014</p> <p>AP Psychology - "Psychology for AP" Worth 2015</p> <p>World Geography - "Geography Alive!" TCI 2011</p>	Yes	0%
Ngoại ngữ	Textbooks and Instructional Materials in use are standards aligned and officially adopted	Yes	0%
Giáo dục Sức khỏe	Textbooks and Instructional Materials in use are standards aligned and officially adopted	Yes	0%
Nghệ thuật Hình Ảnh và Trình Diễn	Textbooks and Instructional Materials in use are standards aligned and officially adopted	Yes	0%
Dụng Cụ tại Phòng Thí Nghiệm Khoa Học (lớp 9-12)	Science labs are adequately equipped	Yes	0%

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Overview

The District makes every effort to ensure that all schools are clean, safe, and functional. To assist in this effort, the district uses a facility survey instrument developed by the State of California Office of Public School Construction. The results of this survey are available at the school office and at the district office.

Cleaning Process and Schedule

The district's Board of Trustees has adopted cleaning standards for all schools in the district. The Leadership Team works daily with the custodial staff to develop cleaning schedules to ensure a clean and safe school.

Deferred Maintenance Budget

The district participates in the State School Deferred Maintenance Program, which provides state matching funds on a dollar-for-dollar basis, to assist school districts with expenditures for major repair or replacement of existing school building components. Typically, this includes roofing, plumbing, heating, air conditioning, electrical systems, interior or exterior painting, and floors systems.

Age of School Buildings

Although the main school campus was constructed in 1976, most building have since been renovated or on track to be renovated.

Modernization Projects

The renovated theater returned to use by Independence High School in December, 2015. This boosts our performing arts program, which has been a cornerstone of our school for decades. A new Visual Arts Center was opened in 2016. The N-1 front office and health clinic, as well as the N-2 counseling center and tutorial/student-innovation spaces are proving to be very effective ways for students and parents to seek and receive the help that they need.

During the 2004-2006 school year, local Measure A and Measure G funds and state matching funds were used to renovate existing facilities. The remodeling of the main gym was completed. In addition, the district has made every effort to renovate and comply with Title IV requirements. Independence has completed the renovation of the girl's and boy's locker rooms bringing them to ADA and Title IV standards. During the 2011-13 school years with the help of the remaining Measure G funds and additional funding from Measure E, our Olympic sized racing and diving pool have been upgraded, including a new filter system, diving boards and ADA lift. The Jim Plunkett/Lee Evans International Sports Stadium had new turf installed, and the track was re-paved. In addition, new sod has been installed in all of main fields. Future projects include a new visual arts complex, state of the art administration building and a renovated performing arts center. Technology continues to be a major focus for Independence. Monies will be dedicated to upgrading the computers and adding mobile labs. The entire campus is now wireless.

The campus is awaiting the dispersal of our Measure Z funds with renovations approved by our School Site Council at that time.

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất:

Sept. 2021

Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tỷ lệ Tốt	Tỷ lệ Bình thường	Tỷ lệ Không Tốt	Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
Hệ thống: Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), Cổng rãnh	X			Dance studio HVAC unit not operating properly, new unit being installed as inspection was being done.
Bên trong: Các Bề Mặt Bên trong	X			Found a few classrooms with damaged floor tiles that were replaced.
Sạch Sẻ: Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt		X		Found many classrooms with damaged ceiling tiles, instructed site to replace. Boys RR found strong odor, site provided deep cleaning.
Điện	X			

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	X			
Bảo vệ: An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm		X		Found several fire extinguishers blocked and emergency exits not accessible: site corrected. Found propane tank and gas cans stored indoors, site relocated.
Cấu Trúc: Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			
Bên Ngoài: Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	X			Found irrigation system not working properly, lawn seemed very soggy.

Tỷ lệ cơ sở vật chất tổng thể

Hoàn hảo	Tốt	Bình thường	Không Tốt
	X		

B. Các Kết Quả Của Học Sinh: Ưu tiên của Tiểu bang: Ưu tiên của Tiểu bang

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

Các đánh giá của tiểu bang

(tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Đọc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng).

Hệ thống CAASPP bao gồm các đánh giá và yêu cầu về sự tham gia của học sinh như sau:

1. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn ELA** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
2. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn Toán** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa học California (CAST) và CAA đối với môn Khoa học** cho học sinh lớp năm, lớp tám và một lần ở trường trung học (tức lớp 10, 11 hoặc 12).

Báo cáo SARC trong năm học 2020 – 2021

Trong trường hợp có lựa chọn khả thi nhất, LEA phải thực hiện bài đánh giá tổng kết toàn tiểu bang cho môn ELA và Toán. Trong trường hợp đánh giá tổng kết trên toàn tiểu bang không phải là lựa chọn khả thi nhất cho LEA (hoặc cho một hoặc nhiều cấp lớp trong LEA) do tình hình dịch bệnh, LEA được phép báo cáo kết quả từ một kỳ thi đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí do Ủy ban Giáo dục Tiểu bang (SBE) thiết lập vào ngày 16 tháng 3 năm 2021. Các kỳ thi đánh giá phải:

- Phù hợp với Tiêu chuẩn cốt lõi chung của bang California cho môn ELA và Toán;
- Dành cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11; và
- Được quản lý thống nhất trên một cấp lớp, khoảng lớp, trường học hoặc khu học chánh đối với tất cả các học sinh đủ điều kiện.

Tùy chọn

Lưu ý rằng các kỳ thi đánh giá thay thế của bang California (CAA) chỉ có thể được thực hiện trực tiếp tuân theo các yêu cầu về sức khỏe và an toàn. Nếu LEA không thể thực hiện CAA trực tiếp với các hướng dẫn về sức khỏe và an toàn tại địa điểm thi, LEA được phép không thực hiện các bài kiểm tra. Không có tùy chọn đánh giá nào khác cho CAA. Các trường thực hiện bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn cho môn ELA và Toán, các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE hoặc kết hợp cả hai, và chỉ có thể chọn một trong những tùy chọn sau:

- Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán;
- Các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE; hoặc
- Kết hợp cả bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán và các bài đánh giá khác.

Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Phần trăm học sinh đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi trong CAASPP

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP cho môn ELA và Toán của tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Các ô dữ liệu năm học 2019 – 2020 có giá trị N/A thể hiện rằng các dữ liệu này không khả dụng do đại dịch COVID-19 dẫn đến việc tạm dừng bài kiểm tra tổng kết. Sắc lệnh N-30-20 được ban hành đã miễn trừ các yêu cầu đánh giá, trách nhiệm và báo cáo đối với năm học 2019 – 2020.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 2021 có giá trị N/A vì những dữ liệu này không thể so sánh với dữ liệu năm khác do đại dịch COVID-19 trong suốt năm học 2020 – 2021. Trong trường hợp các kỳ thi CAASPP môn ELA và/hoặc Toán không phải là tùy chọn khả thi nhất, LEA được phép thực hiện các kỳ thi đánh giá nội bộ. Dữ liệu năm học 2020 – 2021 trong dữ liệu các năm của trường, học khu và tiểu bang không phải không thích hợp để so sánh. Do đó việc so sánh kết quả của năm học 2020 – 2021 với các năm học khác là không phù hợp.

Môn học	Trường 2019-20	Trường 2020-21	Học khu 2019-20	Học khu 2020-21	Tiểu bang 2019-20	Tiểu bang 2020-21
Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Toán (lớp 3-8 và lớp 11)	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A

2020-21 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện. CDE sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ thay vì CAASPP, CDE sẽ điền giá trị "NT" vào bảng này, nghĩa là trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP để đánh giá học sinh. Xem bảng (các) kỳ thi đánh giá nội bộ để biết thêm thông tin.

Môn học	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	661	170	25.72	74.28	75.29
Nữ	315	83	26.35	73.65	81.93
Nam	346	87	25.14	74.86	68.97
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	247	98	39.68	60.32	79.59
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	16	0	0	100	--
Người Phi Luật Tân	95	24	25.26	74.74	58.33
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	198	28	14.14	85.86	60.71
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	14	2	14.29	85.71	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng tộc	62	13	20.97	79.03	92.31
Người Da trắng	25	5	20	80	--
Sinh viên nói tiếng anh	114	21	18.42	81.58	23.81
Những đứa con nuôi	--	--	--	--	--
Vô gia cư	0	0	0	0	0
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	322	76	23.6	76.4	67.11
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	61	8	13.11	86.89	--

2020-21 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Môn Toán theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện. CDE sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ thay vì CAASPP, CDE sẽ điền giá trị "NT" vào bảng này, nghĩa là trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP để đánh giá học sinh. Xem bảng (các) kỳ thi đánh giá nội bộ để biết thêm thông tin.

Môn học	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	661	161	24.36	75.64	65.84
Nữ	315	81	25.71	74.29	56.79
Nam	346	80	23.12	76.88	75.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	247	90	36.44	63.56	78.89
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	16	0	0.00	100.00	--
Người Phi Luật Tân	95	19	20.00	80.00	52.63
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	198	29	14.65	85.35	27.59
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	14	3	21.43	78.57	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	62	13	20.97	79.03	92.31
Người Da trắng	25	7	28.00	72.00	--
Sinh viên nói tiếng anh	114	21	18.42	81.58	28.57
Những đứa con nuôi	--	--	--	--	--
Vô gia cư	0	0	0	0	0
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	322	63	19.57	80.43	52.38
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	61	4	6.56	93.44	--

Kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn ELA theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021 ()

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11. LEA/nhà trường sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP, LEA/nhà trường sẽ điền giá trị “N/A” vào tất cả các ô, nghĩa là bảng này Không áp dụng cho trường này.

Môn học	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh					
Nữ					
Nam					
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa					
Người gốc Châu Á					
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi					
Người Phi Luật Tân					
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh					
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình					
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc					
Người Da trắng					
Sinh viên nói tiếng anh					
Những đứa con nuôi					
Vô gia cư					
Quốc phòng					
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn					
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành					
Học sinh khuyết tật					

*Bảng hoặc trên mức tiêu chuẩn theo cấp lớp trong trường hợp kỳ thi đánh giá nội bộ được thực hiện.

Kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021 ()

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11. LEA/nhà trường sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP, LEA/nhà trường sẽ điền giá trị “N/A” vào tất cả các ô, nghĩa là bảng này Không áp dụng cho trường này.

Môn học	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh					
Nữ					
Nam					
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa					
Người gốc Châu Á					
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi					
Người Phi Luật Tân					
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh					
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình					
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc					
Người Da trắng					
Sinh viên nói tiếng anh					
Những đứa con nuôi					
Vô gia cư					
Quốc phòng					
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn					
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành					
Học sinh khuyết tật					

*Bảng hoặc trên mức tiêu chuẩn theo cấp lớp trong trường hợp kỳ thi đánh giá nội bộ được thực hiện.

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Bảng này cho biết phần trăm học sinh lớp 5, 8 và học sinh trung học đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi.

Các ô dữ liệu năm học 2019 – 2020 có giá trị N/A thể hiện rằng các dữ liệu đó không có sẵn do đại dịch COVID-19 dẫn đến việc trì hoãn bài kiểm tra định kỳ. Sắc lệnh N-30-20 được ban hành đã miễn trừ các yêu cầu đánh giá, trách nhiệm và báo cáo đối với năm học 2019 – 2020.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 2021 có giá trị N/T thể hiện rằng trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP môn Khoa học để đánh giá học sinh.

Môn học	Trường 2019-20	Trường 2020-21	Học khu 2019-20	Học khu 2020-21	Tiểu bang 2019-20	Tiểu bang 2020-21
Khoa học (lớp 5, lớp 8 và Trung học phổ thông)	Không có thông tin	NT	N/A	NT	N/A	28.72

2020-21 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và học sinh trung học. Các ô dữ liệu có giá trị N/T thể hiện rằng trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP môn Khoa học để đánh giá học sinh.

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	683	NT	NT	NT	NT
Nữ	326	NT	NT	NT	NT
Nam	357	NT	NT	NT	NT
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	NT	NT	NT	NT
Người gốc Châu Á	314	NT	NT	NT	NT
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	NT	NT	NT	NT
Người Phi Luật Tân	118	NT	NT	NT	NT
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	193	NT	NT	NT	NT
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	NT	NT	NT	NT
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	17	NT	NT	NT	NT
Người Da trắng	22	NT	NT	NT	NT
Sinh viên nói tiếng anh	107	NT	NT	NT	NT
Những đứa con nuôi	--	NT	NT	NT	NT
Vô gia cư	--	NT	NT	NT	NT
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	374	NT	NT	NT	NT
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	NT	NT	NT	NT
Học sinh khuyết tật	57	NT	NT	NT	NT

2020-21 Chương Trình Giáo Dục Kỹ Thuật Nghệ Nghiệp

Independence High School offers courses intended to help students prepare for the world of work. These career technical education courses (CTE) are open to all students. In addition to the courses offered at Independence, junior and senior students also have the opportunity to participate in the Silicon Valley Career Technical Center (SV-CTE). The programs Independence offers are in the area of: Finance and Business, Information Technology, Teaching Academy, Automotive (Transportation) Technology, Electronics Academy, and Carpentry/Construction. With the focus on Common Core Standards there is heavy concentration on College-to-Career education.-----

2020-21 Tham gia Giáo Dục Kỹ Thuật Nghề Nghiệp (CTE)

Tiêu chuẩn Đo lường	Tham gia Chương trình Giáo dục Kỹ thuật Nghề nghiệp (CTE)
Số Học Sinh Tham Gia CTE	893
Phần trăm học sinh hoàn tất một Chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học	53.1
Phần trăm khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc chuyển tiếp giữa trường học và các cơ sở giáo dục sau trung học cơ sở	12.5

Ghi danh khóa học/hoàn thành

Bảng này cho biết việc ghi danh khóa học/hoàn thành các yêu cầu nhập học của Đại học California (UC) và/hoặc Đại học Bang California (CSU).

Tiêu Chuẩn Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần trăm
Các Học sinh Năm học 2020-2021 Ghi danh vào Các Khóa học Bắt buộc để	97.87
2019-2020 Các Học sinh Tốt nghiệp Năm học 2019-2020 Đã Hoàn thành Tất cả Các Khóa học Bắt buộc để Vào UC/CSU	53.1

B. Các Kết Quả Của Học Sinh: Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

2020-21 Kết Quả Kiểm Tra Sức Khỏe Thân Thể California

Do đại dịch COVID-19, bài Kiểm tra thể chất cho năm học 2020 – 2021 đã bị tạm dừng, do đó, không có dữ liệu nào được báo cáo và mỗi ô trong bảng này được điền giá trị “N/A”.

Cấp lớp	Phần trăm học sinh đạt Bốn trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe	Phần trăm học sinh đạt Năm trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe	Phần trăm học sinh đạt Sáu trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe
Lớp 5	N/A	N/A	N/A
Lớp 7	N/A	N/A	N/A
Lớp 9	N/A	N/A	N/A

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3): Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.

2021-22 Cơ Hội Tham Gia cho Phụ Huynh

Our Parent Center fosters a collaborative relationship between students, families, and our school. It provides resources and monthly workshops for parents and guardians to ensure academic achievement and success in school and in life. Parents are invited to participate in the English Learner Advisory Committee (ELAC), School Site Council (SSC), and our Coffee with the Principal series. In these ways, parents can affect school policy and the use of public funds in ways that most positively impact their students. SSC meets over zoom at 5:30, on the first Tuesday of each month while school is in session. Voting members are elected annually, and all parents are able to self-nominate and run, but meetings are open to the public, and public discussion is encouraged. We are always looking to increase the avenues of parent involvement, and are eager to hear from any parent who would like a greater role in their child's education. We also have parental workshops hosted by our Academic Counselors and Parent Community Involvement Specialist and parental empowerment conferences hosted by the district.

Parent & Community Involvement Specialist Maggie Rodriguez is eager to engage parents, assure online SchoolLoop access, and increase participation of parents in ways that positively affect students. She can be emailed at Rodriguezm@esuhsd.org, or called at (408) 928-9541.

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ bỏ học trung học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Vắng mặt Kéo dài

Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

Chỉ báo	Trường 2018-19	Trường 2019-20	Trường 2020-21	Học khu 2018-19	Học khu 2019-20	Học khu 2020-21	Tiểu bang 2018-19	Tiểu bang 2019-20	Tiểu bang 2020-21
Tỷ Lệ Bỏ Học	4.7	5.8	5.0	15.6	14.5	14.0	9.0	8.9	9.4
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp	91.4	88.5	87.1	77.5	78.4	77.2	84.5	84.2	83.6

Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh (tỷ lệ theo niên khóa bốn năm) năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa bốn năm đã điều chỉnh (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa đã điều chỉnh của CDE tại www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp.

Nhóm Học sinh	Số học sinh trong niên khóa	Số học sinh tốt nghiệp trong niên khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa
Bất kỳ học sinh	714	622	87.1
Nữ	336	309	92.0
Nam	378	313	82.8
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--
Người gốc Châu Á	321	301	93.8

Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	11	9	81.8
Người Phi Luật Tân	130	117	90.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	208	157	75.5
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	--	--	--
Người Da trắng	25	19	76.0
Sinh viên nói tiếng anh	149	116	77.9
Những đứa con nuôi	--	--	--
Vô gia cư	--	--	--
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	--	--	--
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho	--	--	--
Học sinh khuyết tật	67	45	67.2

Tình trạng vắng mặt thường xuyên theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Nhóm Học sinh	Ghi danh tích lũy	Vắng mặt thường xuyên đủ điều kiện ghi danh	Số lần vắng mặt	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Bất kỳ học sinh	2937	2872	281	9.8
Nữ	1402	1369	119	8.7
Nam	1535	1503	162	10.8
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	7	7	4	57.1
Người gốc Châu Á	1098	1088	31	2.8
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	62	58	14	24.1
Người Phi Luật Tân	478	469	17	3.6
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	1053	1015	197	19.4
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	39	38	6	15.8
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	69	68	3	4.4
Người Da trắng	97	95	9	9.5
Sinh viên nói tiếng anh	563	549	95	17.3
Những đứa con nuôi	9	9	7	77.8
Vô gia cư	19	18	12	66.7
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	1527	1488	216	14.5
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	9	9	1	11.1
Học sinh khuyết tật	285	274	87	31.8

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

Đình Chỉ và Đuổi Học

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 6 năm sau, tương ứng với một năm học.

Dữ liệu được thu thập trong năm học 2020 – 2021 sẽ không so sánh được với những năm học trước do sự khác biệt trong phương thức học tập để đối phó với đại dịch COVID-19.

Môn học	Trường 2018-19	Trường 2020-21	Học khu 2018-19	Học khu 2020-21	Tiểu bang 2018-19	Tiểu bang 2020-21
Đình chỉ	4.58	0.03	3.37	0.03	3.47	0.20
Đuổi học	0.00	0.00	0.05	0.00	0.08	0.00

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 2 năm sau, một phần của năm học do đại dịch COVID-19. Các dữ liệu về tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học không được so sánh với dữ liệu của các năm khác do năm học 2019 – 2020 chỉ diễn ra một phần vì dịch COVID-19. Do đó, việc so sánh tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học trong năm học 2019 – 2020 với các năm trước là không phù hợp.

Môn học	Trường 2019-20	Học khu 2019-20	Tiểu bang 2019-20
Đình chỉ	3.97	2.87	2.45
Đuổi học	0.10	0.03	0.05

Tình trạng đình chỉ và buộc thôi học theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Nhóm Học sinh	Suspensions Rate	Expulsions Rate
Bất kỳ học sinh	0.03	0.00
Nữ	0.00	0.00
Nam	0.07	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Châu Á	0.00	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0.00	0.00
Người Phi Luật Tân	0.21	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	0.00	0.00
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	0.00	0.00
Người Da trắng	0.00	0.00
Sinh viên nói tiếng anh	0.00	0.00
Những đứa con nuôi	0.00	0.00
Vô gia cư	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	0.07	0.00
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	0.00	0.00

2021-22 Kế Hoạch An Toàn Trường Học

Independence has a very detailed, comprehensive safety plan that outlines protocols, systems, and procedures in the event of any/all emergencies. This plan also contains the yearly safety goals as determined by the students, staff, and parents. The Safety Plan is developed by the Independence Safety Committee and reviewed by the District Safety Committee before it is presented to the East Side Union High School District Board of Trustees for adoption. The Safety Plan and drill procedures are reviewed during the year with all staff. Safety alerts are shared with all staff as needed throughout the school year. In addition, all required drills are calendared and completed and the results are communicated to all staff.

The Independence Safety Committee meets on a monthly basis to review safety data and discuss solutions to potential safety problems. The committee assesses progress made on the annual goals and decides what the goals should be for the following year. Following the currently-approved 2021-22 Safety Plan Annual Goal Assessment, our 2021-22 Safety Goals are to:

- 1: Improve suspension rate to be in alignment or under the District, County, and State rates.
- 2: Improve attendance rates, specifically Chronic Absenteeism rates, to be in alignment or greater than County and State rates.
- 3: Continue to implement and refine MTSS Tier 1 and Tier 2 strategies for Social/Emotional issues and behavior support.

2018-19 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2019-20. Cột "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	26	34	80	8
Toán	29	12	59	23
Khoa học	29	11	56	22
Khoa học Xã hội	28	12	56	20

2019-20 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2019-20. Cột "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	27	24	75	19
Toán	30	12	43	37
Khoa học	31	11	39	37
Khoa học Xã hội	29	13	44	30

2020-21 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020-21. Cột "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	26	29	81	7
Toán	29	12	47	32
Khoa học	29	12	39	34
Khoa học Xã hội	28	15	46	28

2020-21 Tỷ lệ Cố vấn Học tập trên số học sinh

Bảng này cho biết tỷ lệ học sinh được phân cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm. Một đơn vị Tương Đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Tỷ lệ
Cố vấn Học tập trên số học sinh	402.9

2020-21 Cố Vấn Học Tập và Nhân Viên Hỗ Trợ Khác

Bảng này cho biết số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được chỉ định cho trường. Một đơn vị Tương Đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Số Học Sinh Trung Bình trên mỗi Cố Vấn Học Tập
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	7
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	0.5
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên)	0
Nhà Tâm Lý Học	2
Nhân viên Xã hội	1
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	1
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	0

2019-20 Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh và Lương của Giáo Viên tại Địa Điểm Trường

Bảng này cho biết chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên trung bình năm học 2019 – 2020 của trường. Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Loại	Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn)	Trong Dự Trù Ngân Sách Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn)	Lương Trung bình Của Giáo Viên
Tên trường	\$9,809	\$1,656	\$8,153	\$96,919
Số Tiền của	N/A	N/A	\$8,406	\$98,287
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	N/A	N/A	-3.1	-1.4
Tiểu bang			\$8,444	\$92,222
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	N/A	N/A	-3.5	5.0

2020-21 Các Loại Dịch Vụ được Tài Trợ

School funds come from the state or federal government. Each school fund was created to address a certain student needs, and is based on the legislation that was passed to address that need. For example, Title I is intended to help the effects of poverty by giving additional support to their education. Title III is intended to support the achievement of English Learners and immigrant students. Each categorical fund has a formula for determining how it is allocated. Some are by enrollment (CBEDS) and some are by a characteristic of the student (if they receive free or reduced lunch, or if they are an English Learner). How these funds are disbursed at the school level is determined in the Single Plan for Student Achievement which is approved initially by the Site Council and ultimately by the Board of Trustees.

Independence receives:

Title 1 Funds – These monies are used to ensure that all students have a fair, equal and significant opportunity to obtain a high-quality education and reach, at a minimum, proficiency.

Local Control Accountability Program Funds - These funds are used to support additional programs and services for English Language Learners and economically disadvantage students.

From these funds the following programs are being funded:

Recovery Math program that is focused on students passing CCSS Math 1

Supplemental Counseling Program for ninth grade, English Language Learners [ELL] and at-risk students

Homework/Tutorial Center

AVID program

Multi-Service Team that provides a variety of direct counseling services to students and parent as well as referrals to social service agencies operated by Santa Clara County

Academic counseling That concentrates on our Avid, ELD students, and Title One. Money has been allocated to the acquisition of student computers and related technologies (smart boards, document cameras, iPads, computers, software, etc.) that will be used by students or directly for students. Additional resource periods for instructional coaching to benefit students has also been implemented.

We are also recipients of a Goodwill ASSETs grant which funds after school tutoring and programs for students to keep them engaged on campus and safe in our community.

2019-20 Lương Giáo Viên và Nhân Viên Hành Chính

Bảng này cho biết mức lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2019 – 2020. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng mục	Số Tiền của Học Khu	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$60,185	\$54,687
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$98,823	\$92,222
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$121,954	\$114,208
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)	\$0	\$143,647
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)	\$0	\$145,785
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)	\$154,344	\$162,322
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$293,091	\$258,950
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	34%	32%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	3%	5%

2020-21 Các Khóa Học Nâng Cao (Advanced Placement – AP)

Bảng này cho biết phần trăm học sinh trong các khóa học AP tại trường.

Phần Trăm Học Sinh Tham Gia các Khóa Học AP	29.0
----------------------------------------------------	------

Bảng này cho biết số lượng các khóa học AP được cung cấp tại trường có ít nhất một học sinh đăng ký khóa học.

Môn học	Số Các Khóa Học AP được Cung Cấp
Khoa Học Máy Tính	2
Tiếng Anh	7
Mỹ thuật và Nghệ Thuật Trình Diễn	1
Ngoại ngữ	7
Toán	10
Khoa học	11
Khoa học Xã hội	13
Tổng số khóa học AP đã cung cấp	51

Phát triển Chuyên môn

For the 2020-21 school year, the Independence High School Professional Development Team continues to meet, plan, and deliver a variety of collaborative and learning-opportunities to help drive instruction firmly toward common core practice. Much of our collaboration time is being used to support staff as we move through distance learning during a global pandemic. Additional professional developments are offered through the district and we have a number of staff members attending various conferences relevant to their subject areas, culturally responsive practices, and content delivery.-----

Bảng này cho biết số ngày đến trường dành riêng cho sự phát triển và tiến bộ không ngừng của nhân viên.

Môn học	2019-20	2020-21	2021-22
Số ngày trong năm học được dành cho việc Phát Triển và Nâng cao Chuyên Môn Thường Xuyên	21	34	22

East Side Union High School District

Phụ lục Thẻ Báo cáo Trách nhiệm của Địa phương (LARC) Năm Học 2020-21

Phụ lục Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm của Địa Phương (LARC)

Tổng quan về Phụ Lục Báo Cáo Trách nhiệm của Địa Phương (LARC) Năm Học 2020-21



Vào ngày 14 tháng 7 năm 2021, Ủy ban Giáo dục Tiểu bang California (State Board of Education, SBE) xác định rằng Bộ Giáo dục California (CDE) sẽ sử dụng SARC làm cơ chế để tiến hành thu thập dữ liệu một lần về kết quả kiểm tra tổng hợp cấp LEA của tất cả bài đánh giá tại địa phương của trường được thực hiện trong năm học 2020–2021 để đáp ứng yêu cầu báo cáo của Đạo luật Mọi Học sinh Thành công (Every Students Succeeds Act, ESSA) liên bang đối với Thẻ Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Cơ quan Giáo dục Địa phương (LARC).

Mỗi cơ quan giáo dục địa phương (LEA) sẽ chịu trách nhiệm lập và đăng LARC hàng năm của họ theo ESSA liên bang. Theo thường lệ, CDE sẽ thay mặt cho tất cả LEA lập và đăng các LARC.

Chỉ trong năm học 2020–2021 và các LARC 2020–2021, các LEA được yêu cầu báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá tổng hợp tại địa phương của họ ở cấp LEA cho CDE bằng cách điền các bảng bên dưới qua SARC. Những dữ liệu này sẽ được sử dụng để đáp ứng yêu cầu liên bang của LEA đối với LARC của họ. Lưu ý rằng nhà trường và LEA có trách nhiệm đảm bảo rằng tất cả các quy tắc về quyền riêng tư và ngăn chặn dữ liệu của học sinh được áp dụng khi báo cáo dữ liệu trong Bảng 3 và 4 trong Phụ lục theo quy định hiện hành.

Các bảng dưới đây không phải là một phần của mẫu SARC 2020–2021 được SBE phê duyệt mà là cơ chế mà các dữ liệu bắt buộc này sẽ được thu thập từ các LEA.

Nhằm phục vụ mục đích liên quan tới LARC và diễn giải các bảng sau, LEA được định nghĩa là một khu học chánh, một văn phòng giáo dục của quận, hoặc một trường bán công được tài trợ trực tiếp.

Thông tin liên hệ của học khu năm học 2021 – 2022

Tên Học khu	East Side Union High School District
Số điện thoại	(408) 347-5000
Giám đốc	Glenn Vander Zee
Địa chỉ Email	VanderzeeG@esuhsd.org
Website Học khu	www.esuhsd.org

2020-21 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện. CDE sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ thay vì CAASPP, CDE sẽ điền giá trị "NT" vào bảng này, nghĩa là trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP để đánh giá học sinh. Xem bảng (các) kỳ thi đánh giá nội bộ để biết thêm thông tin.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	5478	3079	56.21	43.79	70.24
Nữ	2618	1505	57.49	42.51	73.42
Nam	2860	1574	55.03	44.97	67.22
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	13	4	--	69.23	--
Người gốc Châu Á	2130	1530	71.83	28.17	82.51
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	113	43	38.05	61.95	64.29
Người Phi Luật Tân	331	176	53.17	46.83	69.32
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	2317	1019	43.98	56.02	49.85
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	43	14	32.56	67.44	78.57
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	220	118	53.64	46.36	80.51
Người Da trắng	311	175	56.27	43.73	74.29
Sinh viên nói tiếng anh	805	320	39.75	60.25	18.85
Những đứa con nuôi	14	2	14.29	85.71	--
Vô gia cư	--	--	--	--	--
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	2642	1270	48.07	51.93	59.21
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	32	15	46.88	53.12	53.33
Học sinh khuyết tật	554	150	27.08	72.92	15.97

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện. CDE sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ thay vì CAASPP, CDE sẽ điền giá trị “NT” vào bảng này, nghĩa là trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP để đánh giá học sinh. Xem bảng (các) kỳ thi đánh giá nội bộ để biết thêm thông tin.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm Không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	5478	2973	54.27	45.73	53.07
Nữ	2618	1445	55.19	44.81	50.62
Nam	2860	1528	53.43	46.57	55.39
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	13	4	--	69.23	--
Người gốc Châu Á	2130	1487	69.81	30.19	75.92
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	113	43	38.05	61.95	30.23
Người Phi Luật Tân	331	167	50.45	49.55	48.80
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	2317	993	42.86	57.14	19.70
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	43	15	34.88	65.12	20.00
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	220	115	52.27	47.73	59.13
Người Da trắng	311	149	47.91		56.08
Sinh viên nói tiếng anh	805	314	39.01	60.99	19.68
Những đứa con nuôi	14	2	14.29	85.71	--
Vô gia cư	--	--	--	--	--
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	2642	1229	46.52	53.48	37.73
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	32	13	40.63	59.37	15.38
Học sinh khuyết tật	554	150	27.08	72.92	6.67

Kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn ELA theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11. LEA/nhà trường sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP, LEA/nhà trường sẽ điền giá trị “N/A” vào tất cả các ô, nghĩa là bảng này Không áp dụng cho trường này.

*Bảng hoặc trên mức tiêu chuẩn theo cấp lớp trong trường hợp kỳ thi đánh giá nội bộ được thực hiện.

Kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11. LEA/nhà trường sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP, LEA/nhà trường sẽ điền giá trị “N/A” vào tất cả các ô, nghĩa là bảng này Không áp dụng cho trường này.

*Bảng hoặc trên mức tiêu chuẩn theo cấp lớp trong trường hợp kỳ thi đánh giá nội bộ được thực hiện.

